

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Biên

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Lan **D**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn **B**, xã **M**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn **C**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn **B**, xã **M**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt anh **C**, vắng mặt chị **D**. Chị **D** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Lan **D** trình bày: Chị và anh Phạm Văn **C** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 20/9/2006 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **M**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 03 tháng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh **C** không chịu tu chí làm ăn,

thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị và xúc phạm gia đình chị. Chị đã cố gắng chịu đựng, khuyên giải nhưng vẫn không được. Cuối năm 2018, chị đã nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhưng sau đó hoà giải vợ chồng đoàn tụ, chị đã rút đơn ly hôn, nhưng đến nay anh **C** vẫn không chịu thay đổi. Hiện chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị **DI**, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Phạm Thị **TH**, sinh ngày 18/01/2010. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **DI**, giao cháu **TH** cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn **C** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng vẫn hoà thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Trong những lúc vợ chồng cãi nhau, nóng giận anh cũng có tát chị **D** vài cái. Nhưng anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị **DI**, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Phạm Thị **TH**, sinh ngày 18/01/2010. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu chị **D** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh trình bày: hiện cháu **DI** đang sống với chị **D** ở nhà ngoại, còn cháu **TH** đang sống với anh.

Về tài sản: Anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **D**, anh **C** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Lê Lan **D** được ly hôn anh Phạm Văn **C**. Giao cháu Phạm Thị **DI**, sinh ngày 03/5/2008 cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị **TH**, sinh ngày 18/01/2010 cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **D** và anh **C** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Lan **D** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị **D**.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Lan **D** và anh Phạm Văn **C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2006 tại UBND xã **M**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, vấn đề này cũng đã được UBND xã **M** xác nhận. Anh **C** cũng thừa nhận những lúc vợ chồng cãi nhau, nóng giận anh cũng có tát chị **D** vài cái. Chị **D** đã từng nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhưng sau đó rút đơn, tạo điều kiện, khuyên giải để anh **C** thay đổi nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Điều đó chứng tỏ chị **D**, anh **C** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **D** được ly hôn anh **C**.

[3] Về con cái: Chị **D** và anh **C** có 02 con chung. Chị **D** và anh **C** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **DI**. Nguyên vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, hiện cháu **DI** đang sống với chị **D**, cháu **TH** đang sống với anh **C**; cháu **DI** có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu **TH** có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **D**, giao cháu **DI** cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **TH** cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **D**, anh **C** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Lan **D** được ly hôn anh Phạm Văn **C**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Thị **DI**, sinh ngày 03/5/2008 cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị **TH**, sinh ngày 18/01/2010 cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **D**, anh **C** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Lan **D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **N**, theo biên lai số AA/2019/0011810 ngày 01/6/2020. Chị **D** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh **C**, vắng mặt chị **D**. Anh **C** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **D** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **M**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Phạm Ngọc Biên

Bùi Trung Thành

Nguyễn Thanh Tân

